

Họ và tên học sinh:.....Lớp: 7A...Ngày nhận:.....

A. PHẠM VI ÔN TẬP

- Số học: Chương I và chương II.
- Hình học: bài 8, 9, 10.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. $-\frac{1}{7} \in \mathbb{Z}$. B. $-2 \in \mathbb{N}^*$. C. $\sqrt{7} \in \mathbb{Q}$. D. $-1, 23 \in \mathbb{R}$

Câu 2: Số đối của số hữu tỉ $\frac{-1}{4}$ là

- A. $-0,25$. B. $\frac{1}{-4}$. C. -4 . D. $0,25$.

Câu 3: Số 0,5 và số hữu tỉ nào sau đây có cùng điểm biểu diễn trên trục số

- A. $\frac{-1}{-2}$. B. $\frac{1}{-2}$. C. $\frac{0}{5}$. D. $\frac{-1}{2}$.

Câu 4: Vào mỗi dịp Tết về, trường THCS Nguyễn Tri Phương tổ chức chương trình “Vũ khúc xanh”, trong đó có hoạt động trải nghiệm “Gói bánh chưng, gói trọn yêu thương” để trao tặng bánh chưng tới các bạn học sinh nghèo. Nguyên liệu để làm bánh gồm gạo nếp, đậu xanh, thịt lợn và lá dong. Mỗi cái bánh chưng sau khi gói nặng khoảng 0,8kg gồm 0,5kg gạo, 0,125kg đậu xanh, 0,135kg thịt, còn lại là lá dong. Hỏi khối lượng lá dong trong mỗi cái bánh là khoảng bao nhiêu?

- A. 0,4kg B. 0,04kg C. 0,04gam D. 4gam

Câu 5: Với x, y, z là ba số hữu tỉ bất kì, sau khi bỏ ngoặc ta được $x - (y + z)$ bằng

- A. $x - y + z$. B. $x - y - z$. C. $x + y - z$. D. $x + y + z$.

Câu 6: Kết quả của phép tính $\left(\frac{3}{7}\right)^{10} \cdot \left(\frac{7}{6}\right)^{10}$ viết dưới dạng lũy thừa là

- A. $\left(\frac{1}{2}\right)^{10}$. B. $\left(\frac{3}{7}\right)^{20}$. C. $\left(\frac{7}{6}\right)^{20}$. D. $\left(\frac{1}{2}\right)^{20}$.

Câu 7: Giá trị của lũy thừa $\left[\left(-\frac{1}{2}\right)^3\right]^2$ bằng

- A. $\frac{1}{32}$. B. $-\frac{1}{32}$. C. $\frac{1}{64}$. D. $-\frac{1}{64}$.

Câu 8: Cho đẳng thức: $a + b = c + d$, khi thực hiện quy tắc chuyển vế, ta được đẳng thức

- A. $a - c = b + d$. B. $a - d = b - c$. C. $b - c = d - a$. D. $a + c = b + d$.

Câu 9: Trong các số thập phân sau: $-8,(3)$; $7,45$; $0,23(101)$; 23 ; -119 , các số thập phân hữu hạn là

- A. $-8,(3)$; $7,45$; 23 ; -119 B. $-8,(3)$; $0,23(101)$
C. 23 ; -119 D. $7,45$; 23 ; -119

Câu 10: Số 123,4567 làm tròn với độ chính xác 0,005 là

- A. 123,45 B. 123,46. C. 123,457 D. 123,5

Câu 11: Số $|-2,34|$ có giá trị là

- A. 2,34 B. $-2,34$ C. 2,34 hoặc $-2,34$ D. $\sqrt{2,34}$

Câu 12: Trong các số dưới đây, số vô tỉ là

A. $\sqrt{\frac{4}{9}}$

B. $\sqrt{24}$

C. $\sqrt{81}$

D. $\sqrt{\frac{25}{49}}$

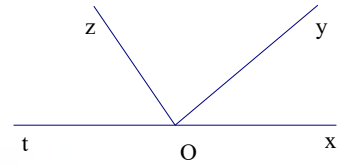
Câu 13: Cho hình vẽ: Góc kề bù với \widehat{xOy} là

A. \widehat{yOz}

B. \widehat{zOt}

C. \widehat{yOt}

D. \widehat{zOx}



Câu 14: Cho hai đường thẳng xx' và yy' cắt nhau tại O . Biết góc xOy có số đo bằng 50° . Số đo của góc $x'Oy'$ bằng

A. 140° .

B. 50° .

C. 40° .

D. 130°

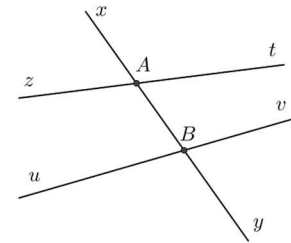
Câu 15: Cho hình vẽ sau: Góc xAz và góc ABu là hai góc

A. Đồng vị

B. So le trong

C. Trong cùng phía

D. Kề bù



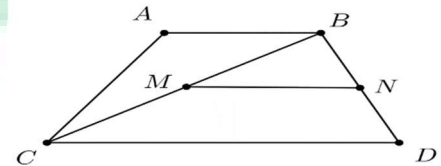
Câu 16: Cho hình vẽ: Góc so le trong với góc BCD là

A. \widehat{ACB}

B. \widehat{BMN}

C. \widehat{ABC}

D. \widehat{BDC}



Câu 17: Cho ba đường thẳng phân biệt a, b, c . Khẳng định sai là

A. Nếu $a \parallel b, b \parallel c$ thì $a \parallel c$

B. Nếu $a \perp b, b \parallel c$ thì $a \perp c$

C. Nếu $a \perp c, b \perp c$ thì $a \parallel b$

D. Nếu $a \perp b, b \parallel c$ thì $a \parallel c$

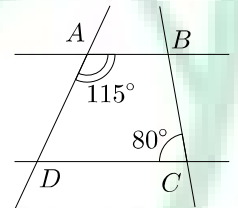
Câu 18: Cho hình vẽ dưới đây, biết $AB \parallel CD$. Số đo các góc \widehat{ADC} và \widehat{ABC} lần lượt là

A. $60^\circ; 100^\circ$

B. $66^\circ; 120^\circ$

C. $65^\circ; 100^\circ$

D. $120^\circ; 60^\circ$



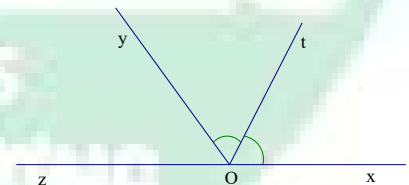
Câu 19: Cho hình vẽ: Biết $\widehat{xOt} = 64^\circ$. Số đo của góc yOz là

A. 116°

B. 52°

C. 128°

D. 32°



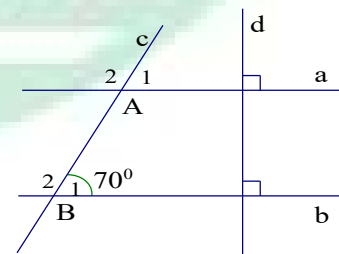
Câu 20: Cho hình vẽ, $\widehat{A_1}$ có số đo là:

A. 20°

B. 70°

C. 100°

D. 110°



II. TỰ LUẬN

ĐẠI SỐ

DẠNG 1. Thực hiện phép tính

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{5}{12} + \frac{-11}{15}$

b) $\left(0,5 - \frac{1}{6}\right)^2$

c) $0,8 \cdot \frac{-2}{9} - \frac{4}{5} : \frac{9}{7}$

d) $-0,6 \cdot \left(\frac{5}{9} + \frac{5}{3}\right) + \frac{1}{12}$

e) $-1\frac{2}{5} : \frac{14}{5} - \left(\frac{1}{2}\right)^3 + \frac{5}{16}$

f) $\left[\left(\frac{3}{8} - \frac{5}{12}\right) \cdot 6 + \frac{1}{3}\right] \cdot |-24|$

Bài 2. Tính hợp lí:

a) $\frac{5}{17} - \frac{11}{35} - \frac{22}{17} + \frac{11}{35}$

b) $\left(1\frac{3}{7} - \frac{5}{12}\right) - \left(\frac{3}{7} - \frac{17}{12}\right)$

c) $\frac{1}{6} \cdot \left(-\frac{11}{5}\right) - 1\frac{1}{6} \cdot \left(-\frac{11}{5}\right)$

d) $\frac{3}{7} \cdot \frac{17}{35} + \frac{18}{35} \cdot \frac{3}{7} - \frac{3}{5}$

e) $-\frac{23}{21} : \frac{4}{5} - \frac{19}{21} : \frac{4}{5}$

f) $\frac{5}{9} : \left(\frac{1}{11} - \frac{5}{22}\right) + \frac{5}{9} : \left(\frac{1}{15} - \frac{2}{3}\right)$

DẠNG 2. Tìm x

Bài 3: Tìm x, biết:

a) $\frac{3}{7} - x = \frac{1}{3}$

b) $\frac{-5}{8} + x = \left(\frac{-2}{3}\right)^2$

c) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = -2\frac{1}{2}$

d) $9\left(\frac{5}{7} : x - \frac{2}{5}\right)^2 = 1$

e) $1\frac{2}{3}x + \frac{5}{7} = \frac{3}{15}x - \frac{1}{14}$

f) $\left|x - \frac{3}{4}\right| = 0,25$

DẠNG 3. Bài toán thực tế

Bài 4: Trọng lượng của một vật thể trên Mặt Trăng bằng khoảng $\frac{1}{6}$ trọng lượng của nó trên Trái Đất. Biết trọng lượng của một vật trên Trái Đất được tính theo công thức: $P = 9,8m$ với P là trọng lượng của vật tính theo đơn vị N (Niu-ton); m là khối lượng của vật tính theo đơn vị ki-lô-gam. Nếu một nhà du hành vũ trụ có khối lượng là 77,5 kg thì trọng lượng của người đó trên Mặt Trăng là bao nhiêu ki-lô-gam (Làm tròn kết quả đến hàng phần trăm)?

Bài 5: Bác An gửi ngân hàng 50 triệu đồng với kì hạn 1 năm, lãi suất 6,5%/năm. Hết kì hạn, bác rút ra $\frac{1}{5}$ số tiền (tính cả gốc và lãi). Hỏi bác An đã rút bao nhiêu tiền?

DẠNG 4. Bài toán nâng cao

Bài 6: Tính nhanh tổng sau: $Q = \frac{-5}{99.97} - \frac{5}{97.95} - \frac{5}{95.93} - \dots - \frac{5}{7.5} - \frac{5}{5.3} - \frac{5}{3.1}$

Bài 7: Tìm số nguyên x để biểu thức A nhận giá trị nguyên và tìm giá trị đó.

a) $A = \frac{x+3}{x-2}$

b) $B = \frac{1-2x}{x+3}$

Bài 8: Cho $M = \frac{42-x}{x-15}$. Tìm số nguyên x để M đạt giá trị nhỏ nhất.

Bài 9: Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức: a) $|x-3|+8$; b) $2|x-5|-1$; c) $(x-1)^2+5$

Bài 10: Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức:

a) $-|3-x|+7$

b) $-5,5|x+2|-11$

c) $6 - \left(\frac{1}{2}x+1\right)^2$

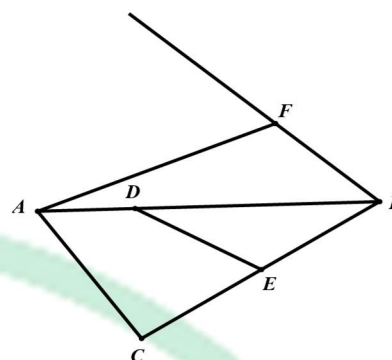
d) $1\frac{2}{5} - \left(2x - \frac{2}{5}\right)^4$

HÌNH HỌC

Bài 11: Cho hình vẽ:

Điền các cụm từ “*so le trong, đồng vị, trong cùng phía, kề bù, kề nhau*” phù hợp vào dấu chấm (...) trong các câu sau để được khẳng định đúng.

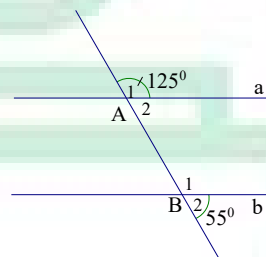
- a, \widehat{BAC} và \widehat{BDE} là cặp góc.....
- b, \widehat{FBA} và \widehat{BAC} là cặp góc.....
- c, \widehat{DEB} và \widehat{DEC} là cặp góc.....
- d, \widehat{ABF} và \widehat{ABC} là cặp góc.....
- e, \widehat{AFB} và \widehat{FAC} là cặp góc.....



Bài 12: Cho hai góc kề bù AOB và BOC , biết $\widehat{AOB} = 60^\circ$. Vẽ OM là tia phân giác của \widehat{BOC} .

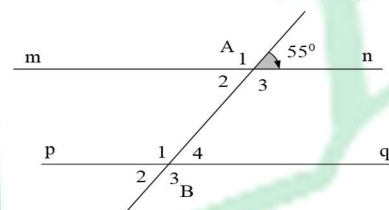
Tính số đo của $\widehat{BOM}, \widehat{AOM}$?

Bài 13: Cho hình vẽ. Biết: $\widehat{A}_1 = 125^\circ$; $\widehat{B}_2 = 55^\circ$. Chứng minh $a // b$.

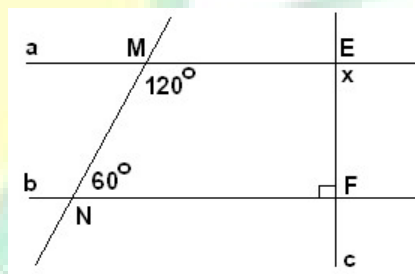
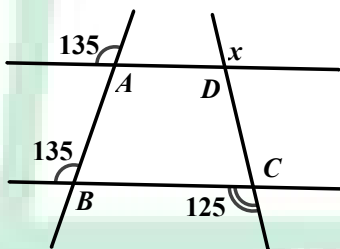


Bài 14: Cho hình vẽ. Biết: $mn // pq$, Tính số đo các góc

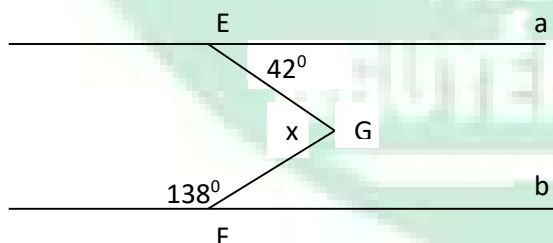
$\widehat{A}_1, \widehat{A}_3, \widehat{B}_1, \widehat{B}_2$



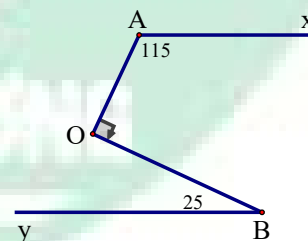
Bài 15: Tìm số đo x trong mỗi hình vẽ sau:



Bài 16: a) Cho hình vẽ, biết $a // b$. Hãy tính x ?



b) Cho hình vẽ, chứng minh $Ax // By$.



---Hết---

Chúc các con ôn tập tốt!